

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO

(Giai đoạn 1998-2000)

Nội dung của chương trình

1. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
2. Dự án điều chỉnh ruộng đất
3. Dự án tín dụng
4. Dự án hướng dẫn cách làm ăn
5. Dự án hỗ trợ về y tế giáo dục
6. Dự án định canh định cư
7. Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn
8. Giải pháp huy động nguồn lực

Cơ quan thường trực: Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội

I. BỐI CẢNH SỰ CẦN THIẾT

1. Ý nghĩa tầm quan trọng

Đói nghèo là một vấn đề xã hội nổi cộm mang tính toàn cầu. Những năm gần đây, nhờ chính sách đổi mới, nền kinh tế nước ta đã phát triển nhanh, đời sống của đại bộ phận nhân dân đã được nâng lên rõ rệt. Song, một bộ phận không nhỏ dân cư, đặc biệt là dân cư ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến, vùng dân tộc ít người... đang còn chịu cảnh đói nghèo; không đảm bảo được điều kiện tối thiểu của cuộc sống. Sự phân hoá giàu nghèo đã và đang là mối lo của Đảng và Nhà nước, là vấn đề xã hội cần đặc biệt quan tâm.

Xoá đói giảm nghèo đã trở thành phong trào, thành chương trình hành động ở tất cả các tỉnh, thành phố. Đến cuối năm 1997, nguồn lực huy động cho xoá đói giảm nghèo đạt gần 30.000 tỷ đồng, trong đó quỹ xoá đói giảm nghèo ở các địa phương là trên 500 tỷ. Đã hình thành nhiều mô hình tốt về xoá đói giảm nghèo. Sự phối hợp lồng ghép các chương trình quốc gia khác với chương trình xoá đói giảm nghèo đã đem lại một số kết quả: chương trình 120, 327, Nước sạch sinh hoạt, y tế, giáo dục... khoảng 20% hộ nghèo được hưởng lợi từ các chương trình này. Nhờ chủ trương và các giải pháp trên, hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm được 2%, đến cuối năm 1997 tỷ lệ đói nghèo còn khoảng 17,4%.

Tuy vậy, công tác xoá đói giảm nghèo vẫn còn phân tán ở các địa phương. Sự lồng ghép chương trình xoá đói giảm nghèo với các chương trình quốc gia khác còn hạn chế, chưa có kế hoạch cụ thể, chưa cân đối nguồn lực thoả đáng cho xoá đói giảm nghèo, chưa có một hệ thống giải pháp mang tính tổng thể và trên phạm vi toàn quốc. Theo quy luật phát triển không đều, song song với tăng trưởng kinh tế sẽ có một bộ phận dân cư giàu lên, song cũng sẽ có một bộ phận dân cư chậm phát triển hơn sẽ trở thành người nghèo. Vì vậy muốn giải quyết vấn đề đói nghèo và hạn chế sự phân tầng

xã hội đòi hỏi phải có giải pháp, chính sách riêng phù hợp với một chương trình quốc gia độc lập. Mặc dù các chương trình quốc gia khác có tác động đến vấn đề đói nghèo, song tỷ lệ người nghèo, xã nghèo được hưởng thụ các chương trình đó chưa nhiều (khoảng 20% vì mỗi chương trình đều có mục tiêu, nội dung đối tượng riêng. Nếu không có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về chủ trương, quan điểm, giải pháp thì công tác xoá đói giảm nghèo sẽ rất chậm chạp, tình trạng phân hoá giàu nghèo, phân hoá xã hội sẽ ngày càng gay gắt. Một số mục tiêu về xã hội mà Đại hội Đảng VIII đề ra sẽ không thể thực hiện được. Chính vì vậy mà Đại hội Đảng VIII đã khẳng định: Xoá đói giảm nghèo là một trong những chương trình quốc gia trong giai đoạn 1996-2000. Trong quá trình thực hiện cần được lồng ghép, phối hợp với một số chương trình kinh tế xã hội khác. Song xoá đói giảm nghèo phải coi là một chương trình độc lập, với mục tiêu và đối tượng cụ thể được thực hiện bằng các chính sách, cơ chế và nguồn lực thích hợp nhằm đảm bảo mục tiêu chương trình đề ra.

2. Thực trạng đói nghèo hiện nay

a. Xác định một số chuẩn mực về đói nghèo của chương trình

*** Hộ đói nghèo**

- Hộ đói: là hộ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau không có tiền chữa trị, nhà ở rách nát.

Nếu theo thu nhập thì các hộ này có thu nhập quy đổi ra gạo bình quân đầu người dưới 13kg/tháng tương đương với 45.000 đồng.

- Hộ nghèo: là hộ thiếu ăn nhưng không dứt bữa, mặc không lành và không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất...

Nếu tính theo thu nhập, loại hộ này có thu nhập quy đổi ra gạo bình quân đầu người dưới 25 kg/tháng tương đương 90 ngàn (thành thị) và 20 kg/tháng tương đương 70 ngàn đồng (nông thôn đồng bằng và trung du) dưới 15 kg, tương đương 55 ngàn đồng ở nông thôn và thành thị.

*** Xã nghèo:** là xã có một trong các đặc trưng sau:

- Tỷ lệ hộ nghèo của xã chiếm trên 40% số hộ của xã.
- Không có hoặc rất yếu cơ sở hạ tầng: đường giao thông, điện thắp sáng, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, chợ...

Chuẩn mực đói nghèo trên đây là mức tối thiểu (Xét trên phạm vi cả nước). Tùy điều kiện, tình hình từng địa phương có thể điều chỉnh chuẩn mực đói nghèo hàng năm để phù hợp với địa phương và khu vực. Mặt khác, hàng năm căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sẽ có điều chỉnh cho phù hợp, nhằm đáp ứng mục tiêu Đại hội Đảng VIII đã đề ra..

b. Thực trạng đói nghèo hiện nay ở nước ta

Theo chuẩn mực trên đây, đến cuối năm 1997 cả nước còn khoảng 2,7 triệu hộ đói nghèo, chiếm 17,4% tổng số hộ của cả nước. Trong đó, số hộ đói kinh niên khoảng 300.000 hộ chiếm 2,0%, số hộ nghèo chiếm 14,4%.

Cả nước hiện còn trên 1489 xã có tỷ lệ hộ đói, nghèo trong xã chiếm trên 40% tổng số hộ của xã. Trên 1160 xã thiếu 6 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu: đường ô tô, điện thắp sáng đến trung tâm xã, trường học cấp I, trạm xá, nước sạch sinh hoạt, chợ. Còn 1,1 triệu người ở 745 xã trong diện định canh, định cư nhưng vẫn còn tình trạng du canh, du cư. Còn 20 dân tộc (dưới 10 ngàn người) và các dân tộc ở khu vực III, dân tộc Khơ me, Chăm có cuộc sống đặc biệt khó khăn.

3. Nguyên nhân của đói nghèo

a. Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh, đất đai cằn cỗi, thiếu đất canh tác, địa hình phức tạp, đi lại khó khăn. Những nguyên nhân này thường tạo nên tình trạng đói, nghèo cho cả 1 vệt hoặc các xã.

b. Nhóm nguyên nhân do bản thân người nghèo: thiếu kiến thức làm ăn, thiếu hoặc không có vốn, đông con, neo đơn, thiếu sức lao động hoặc không có việc làm, rui ro, ốm đau, tai nạn, lười nhác, mắc các tệ nạn xã hội...

c. Nhóm nguyên nhân do cơ chế, chính sách: thiếu hoặc không đồng bộ về chính sách đầu tư các cơ sở hạ tầng cho vùng núi cao, vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ; chính sách khuyến khích sản xuất và vấn đề tín dụng, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ tạo việc làm tăng thu nhập, cung cấp hỗ trợ các dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí.

II. QUAN ĐIỂM – MỤC TIÊU – PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm

a. Xoá đói giảm nghèo là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, đây là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách đồng thời là việc làm thường xuyên liên tục của các cấp, các ngành.

b. Chương trình xoá đói giảm nghèo mang tính liên ngành, được thực hiện lồng ghép với các chương trình kinh tế xã hội khác. Song, sự lồng ghép đó chưa đáp ứng và không thể thay thế, giải quyết hết các mục tiêu của xoá đói giảm nghèo. Do đó, xoá đói giảm nghèo là một chương trình độc lập có mục tiêu đối tượng riêng. Mọi giải pháp, hoạt động kể cả các nguồn lực cho chương trình phải cụ thể, phù hợp với mục tiêu đã đề ra.

c. Chương trình xoá đói giảm nghèo được thực hiện theo phương châm xã hội hoá cao. Phát huy tính tự chủ, tự vươn lên và tính sáng tạo của địa phương, của chính hộ nghèo và người nghèo. Xã (phường) là các đơn vị cơ bản để xác định đối tượng, mục tiêu của chương trình và là địa bàn thực hiện các đề án và lồng ghép các chương trình khác với xoá đói giảm nghèo. Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc đề ra các nhiệm vụ, mục tiêu, cơ chế chính sách nhằm phát huy khả năng và trách nhiệm của mọi cấp, ngành và toàn xã hội tham gia xoá đói giảm nghèo, tạo nguồn lực để thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

d. Chương trình xoá đói giảm nghèo cần tiến hành đồng bộ các chính sách và giải pháp theo phương châm cuốn chiếu, ưu tiên đầu tư vào các vùng trọng điểm: vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, vùng căn cứ kháng chiến cũ, nơi có tỷ lệ đói nghèo cao.

2. Mục tiêu của chương trình

- Đến năm 2000 về cơ bản không còn hộ đói nghèo kinh niên. Giảm cơ bản hộ nghèo còn dưới 10% theo chuẩn mực hiện nay.

- Trong 3 năm 1998-2000 phấn đấu hầu hết các xã có đủ các công trình cơ sở hạ tầng và giảm số xã có tỷ lệ đói nghèo cao (trên 40%) từ 15% xuống còn dưới 5% so với tổng số xã.

- Trong hai năm đầu của kế hoạch 1998-2000, tập trung xoá khoảng gần 300.000 hộ đói kinh niên và 50% xã có tỷ lệ đói nghèo cao và thiếu cơ sở hạ tầng. Các hộ thuộc diện chính sách: người có công, gia đình thương binh liệt sỹ còn trong hoàn cảnh này thì cơ bản phải hoàn thành trong 2 năm 1998-1999. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chính sách khác cho các xã nghèo vùng cao biên giới, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

3. Phạm vi - đối tượng

Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước nhằm hỗ trợ cho các hộ đói nghèo và các xã nghèo; diện vận động định canh định cư ở 10 ngàn thôn bản thuộc 1913 xã của 206 huyện trên 37 tỉnh miền núi, trung du và các vùng dân tộc đặc biệt khó khăn.

III. NỘI DUNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Những vấn đề chung: Xoá đói giảm nghèo phải gắn với chương trình phát triển kinh tế xã hội: chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn; chương trình y tế giáo dục, chương trình việc làm, chương trình 327, 773...

Tuy nhiên, xoá đói giảm nghèo là chương trình có mục tiêu riêng, đối tượng riêng phải được thực hiện với phương thức và nguồn lực thích hợp. Để chương trình xoá đói giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả, cần cụ thể hoá các hoạt động của chương trình bằng các dự án. Mỗi dự án có mục tiêu, phương thức thực hiện và nguồn kinh phí bảo đảm, do các ngành chức năng thực hiện dưới sự chỉ đạo chung của ban chỉ đạo chương trình.

1. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

- Hiện nay có khoảng 1168 xã yếu kém nhất về 6 công trình kết cấu hạ tầng: đường ô tô, điện tới trung tâm xã, nước sạch cho sinh hoạt, phòng học cho học sinh cấp I, trạm xá; chợ. Đến năm 2000, phấn đấu để các xã này cơ bản có đầu tư các công trình trên.

- Tập trung ưu tiên cho vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng căn cứ kháng chiến, biên giới, hải đảo.

- Nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: huy động nguồn lực trong dân bằng lao động công ích, tự nguyện; sự đóng góp tiền của các cơ quan, các tổ chức đoàn thể,

cá nhân, các thành phần kinh tế. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho xây dựng kết cấu hạ tầng đảm bảo khoảng 25% (những xã vùng cao, biên giới khoảng 50%), chủ yếu bằng cung cấp thiết bị (các phương tiện cơ giới), vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, nhựa đường...) và trợ cấp thêm một phần cho người lao động làm tại các công trình.

- Nơi có điều kiện có thể đầu tư bằng vốn vay.

- Phương thức thực hiện: Trung ương, tỉnh tập trung đầu tư vào các vùng cao, vùng có điều kiện có khó khăn, yêu cầu kinh phí lớn (50 - 70%). Đối với vùng có điều kiện thuận lợi hơn thì huyện, xã trực tiếp huy động nguồn lực tại chỗ là chính. Trung ương hỗ trợ một phần (khoảng 25%).

2. Dự án điều chỉnh ruộng đất và hỗ trợ công cụ sản xuất đối với các hộ đói nghèo

Tiến hành điều tra, kê khai, đánh giá lại để điều chỉnh ruộng đất cho nông dân nghèo theo hướng: thu hồi đất đã cấp không đúng đối tượng, không đúng chính sách hoặc đất sử dụng không có hiệu quả, không đúng mục đích; tổ chức khai hoang phục hoá, mở rộng quỹ đất sản xuất, đảm bảo cho khoảng 300.000 hộ nông dân nghèo thực sự có nhu cầu và có khả năng sản xuất nhưng chưa được giao đất hoặc thiếu đất sản xuất kinh doanh. Những vùng có ít ruộng đất, cần hỗ trợ điều kiện và phương tiện sản xuất để phát triển ngành, nghề dịch vụ hoặc vận động họ đến các vùng kinh tế mới. Đối với đồng bào nghèo ở khu vực thành thị, có thể giúp đỡ về mặt bằng hoặc cho vay vốn để mua tư liệu sản xuất tạo việc làm.

3. Dự án cho người nghèo vay vốn

- Thời gian qua, Nhà nước đã có chính sách cho người nghèo vay vốn, song hiện vẫn còn 40% số hộ nghèo chưa được vay vốn.

- Hình thành quỹ xoá đói giảm nghèo để bảo đảm vốn cho người nghèo vay. Đa dạng hoá các hình thức để tạo nguồn vốn vay: vay dân và cho dân vay; các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, vốn tài trợ quốc tế, vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, tiết kiệm... Từng bước hình thành quỹ bù đắp rủi ro để bảo tồn vốn. Hiện tại, ngân hàng phục vụ người nghèo và nguồn vốn xoá đói giảm nghèo của các địa phương có khoảng 2300 tỷ. Phấn đấu đến năm 2000 có thể huy động 5000 tỷ, đảm bảo cơ bản số hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Bình quân mỗi hộ được vay từ 1,5 đến 5 triệu đồng với thời hạn không quá 3 năm, bằng cơ chế tín chấp với lãi suất ưu đãi.

4. Dự án về Giáo dục và Y tế

a. Về giáo dục cho người nghèo.

- Con em hộ nghèo học ở các cấp phổ thông đều được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp bằng tiền để xây dựng học đường.

- Học sinh bậc tiểu học là con em các hộ đói nghèo được mượn sách giáo khoa và cấp không vở viết. Đối với các hộ quá khó khăn được xét cấp học bổng.

- Học sinh giỏi là con em các hộ nghèo, nhất là con em các đồng bào dân tộc ít

người, ở vùng cao, biên giới, hải đảo được ưu tiên xét chọn vào các trường dân tộc nội trú, các trường đại học cao đẳng và xét cấp học bổng hàng năm.

+ Điều kiện và phương pháp thực hiện:

Trước hết là phải bảo đảm đủ các cơ sở, các điều kiện cho học tập (trường lớp, học cụ, sách giáo khoa, giáo viên)

Cần giành kinh phí từ chương trình xoá mù chữ và chống tái mù cho người nghèo bằng những hình thức phù hợp: tại chỗ (bản, làng, nhóm hộ) hoặc tập trung; động viên các lực lượng giáo viên, người về hưu, quân đội, cán bộ tại địa phương hoặc vận động học sinh, sinh viên tình nguyện giúp người nghèo.

+ Huy động nguồn lực của các đơn vị kinh tế, xã hội, sự trợ giúp của quốc tế để phát triển giáo dục cho người nghèo và con em họ.

+ Nhu cầu vốn cho dự án cần 834 tỷ đồng.

b. Về Y tế cho người nghèo

- Người nghèo được miễn giảm viện phí và các khoản đóng góp khi khám chữa bệnh tại bệnh viện và các cơ sở y tế của nhà nước.

- Nhu cầu kinh phí để khám chữa bệnh cho người nghèo giai đoạn 1998-2000 dự kiến 900 tỷ chủ yếu cho thanh toán về khám chữa bệnh. Người nghèo được cấp thẻ khám chữa bệnh theo Nghị định 95/CP của Chính phủ.

Việc khám chữa bệnh và cung ứng thuốc cho người nghèo cần có phương thức thích hợp, phát huy các loại hình chữa bệnh dân gian, truyền thống của địa phương. Động viên các lực lượng y tế tham gia khám, chữa bệnh tự nguyện cho người nghèo (y tế các cơ quan, quân đội, đoàn thể, tổ chức, cá nhân...)

5. Dự án về hướng dẫn cách làm ăn, phổ biến công nghệ kỹ thuật mới cho người nghèo

Hình thành hệ thống thông tin, ngân hàng dữ liệu về xoá đói giảm nghèo, nắm tình hình biến đổi của các đối tượng nghèo: hộ nghèo, xã nghèo làm cơ sở cho việc phân tích đánh giá xây dựng các phương án, lựa chọn mô hình, tổ chức hướng dẫn cách làm ăn, phổ biến kiến thức...

Người nghèo thường không có nghề, trên 90% hộ nghèo không được tiếp nhận những kiến thức mới về sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp,... nên năng suất lao động thấp, làm không đủ ăn.

- Đến năm 2000, thông qua các nhóm hỗ trợ người nghèo ở cộng đồng, nhóm công tác tự nguyện vì người nghèo và các hình thức khác bảo đảm cho khoảng 70% hộ đói nghèo, đặc biệt chú ý chủ hộ là phụ nữ, được tiếp nhận kỹ thuật mới, được phổ biến cách làm ăn, dạy nghề để có thể tự vươn lên sản xuất có hiệu quả hơn, biết chi tiêu ở gia đình hợp lý, tiết kiệm

- Nội dung hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ cho hộ nghèo bao gồm: giúp hộ lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi hoặc ngành nghề phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và khả năng của từng gia đình; phổ biến những kiến thức,

kỹ thuật, quy trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại chỗ thông qua các mô hình thực tế thích hợp với điều kiện của từng địa phương, nâng cao năng suất lao động và bảo đảm môi trường.

- Phương thức thực hiện: việc hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo, hộ nghèo chủ yếu dựa vào nguồn lực tại chỗ, tại cộng đồng thôn xóm, bản làng và bằng những tác động trực quan thực tế; với sự hướng dẫn của những hộ làm ăn giỏi; tổ chức đội ngũ những người tình nguyện bao gồm các cán bộ kỹ thuật, sinh viên, cán bộ của các tổ chức quần chúng, bộ đội để giúp các hộ nghèo, nhóm hộ nghèo. Phát huy những trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm để nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, chú trọng mở lớp đào tạo huấn luyện cán bộ chủ chốt, đặc biệt là của các xã, huyện làm nòng cốt cho việc thực hiện nhiệm vụ này. Cùng với những phương thức trên cần sử dụng có hiệu quả công tác tuyên truyền để hướng dẫn bằng các phương tiện thông tin đại chúng, hướng dẫn từ xa.

- Nguồn kinh phí cho hoạt động này khoảng: 200 tỷ đồng bao gồm nguồn từ ngân sách, nguồn từ các dự án khuyến nông - khuyến ngư, nguồn hợp tác quốc tế, sự hỗ trợ của các trung tâm dạy nghề, của các doanh nghiệp. Ngoài kinh phí này dành 1 phần phục vụ việc điều tra, thống kê tình hình đói nghèo, đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ từ trung ương đến địa phương, cơ sở, hướng dẫn cách làm ăn tại địa bàn; tổ chức kiểm tra, theo dõi, điều phối các hoạt động của chương trình xoá đói giảm nghèo; sơ kết đánh giá và khen thưởng đơn vị, địa phương, ngành làm tốt.

6. Dự án định canh, định cư

a. Thực trạng định canh, định cư

Cuộc vận động định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số sống theo lối du canh, du cư ở các tỉnh miền núi, trung du nước ta đã được tiến hành từ năm 1963. Diện vận động định canh, định cư trong cả nước khoảng 3,1 triệu người, khoảng 504 ngàn hộ, ở rải rác trong phạm vi 10.000 thôn bản, 1013 xã, 206 huyện của 37 tỉnh miền núi, trung du.

Đến cuối năm 1995 đã thực hiện định canh, định cư đến 1018 xã khoảng hơn 1,7 triệu người. Kết quả có 378 xã với 111.000 hộ gồm 661.000 người là hoàn thành cơ bản định canh, định cư, còn 640 xã với 180.000 hộ, gần 1,1 triệu người đang thực hiện dự án đầu tư, coi như mới định canh, định cư được một phần (vẫn còn tình trạng du canh, du cư nhỏ).

Năm 1996, 1997 thực hiện đầu tư mới 150 xã với khoảng 220 ngàn người. Như vậy 11 triệu người ở 745 xã cần tiếp tục thực hiện dự án định canh, định cư đồng thời tiếp tục dự án hoàn chỉnh 640 xã đã có đầu tư dự án nhưng còn tình trạng du canh, du cư.

b. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi thực hiện dự án

** Mục tiêu 1998-2000.*

- Mục tiêu tổng quát của dự án: giúp cho đồng bào trong diện vận động định canh,

định cư có điều kiện sản xuất và ổn định đời sống, chấm dứt tình trạng du canh, du cư và phá rừng làm nương dẫy, xoá đói giảm nghèo tại 1913 xã trong diện vận động.

** Đối tượng, phạm vi thụ hưởng dự án*

183 ngàn hộ, khoảng 1,1 triệu người ở 745 xã thuộc 37 tỉnh miền núi, trung du trong diện định canh, định cư chưa được đầu tư dự án định canh, định cư.

c. Nội dung và hoạt động của dự án

Dự án sẽ đầu tư các hạng mục cho 3 nhóm mục đích sau:

- a) Đầu tư cơ sở sản xuất và đời sống cho hộ định canh, định cư (chiếm 60%).
- b) Đầu tư cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi cho cộng đồng định canh, định cư (chiếm 30%).
- c) Đầu tư nhân lực cho thực hiện dự án (chiếm 10%).

Các hạng mục đầu tư trên được sử dụng để thiết lập dự án đầu tư, nhưng không nhất thiết hộ gia đình nào, cộng đồng nào cũng phải có đầy đủ các hạng mục mà tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng cộng đồng để xác định nhu cầu tối thiểu và khối lượng các hạng mục cần có để định canh, định cư được bền vững.

d. Nhu cầu tài chính (kinh phí) dự án 1998-2000

		Tỷ lệ
Tổng vốn đầu tư	1200 tỷ đồng	
<u>Trong đó</u>		
Ngân sách nhà nước cấp	1056 tỷ	88%
Lao động công ích	84 tỷ	7%
Lồng ghép với các chương trình 327, 773...	60 tỷ	5%

- Phân ra các năm: 1998 là 300 tỷ, năm 1999 là 440 tỷ, năm 2000 là 500 tỷ

e. Giải pháp chủ yếu thực hiện dự án

1. Tuyên truyền vận động định canh, định cư
2. Phát triển nguồn nhân lực định canh, định cư
3. Điều tra quy hoạch vùng định canh, định cư
4. Xây dựng mô hình trình diễn
5. Chuyên giao khoa học công nghệ
6. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ định canh, định cư

7. Dự án hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn

- Nước ta còn một bộ phận dân cư dân tộc thiểu số chậm tiến, lạc hậu, trình độ phát triển của mỗi dân tộc ở mức chênh lệch khác nhau, cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn. Từ năm 1992. dự án hỗ trợ đồng bào các dân tộc đặc biệt khó khăn đã đi vào hoạt động, đến năm 1996 đã có 34 dân tộc được hưởng thụ dự án với 120 tỷ đồng.

- Mục tiêu của dự án nhằm tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào sớm ổn định đời sống, phát triển sản xuất, thoát khỏi nguy cơ suy giảm dân số (20 dân tộc có số người dưới

10 ngàn người) nâng cao trình độ dân trí, thực hiện xoá đói giảm nghèo, giữ gìn bản sắc văn hoá dân trong vùng, góp phần vào công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc.

- Đối tượng thụ hưởng dự án: Các dân tộc ít người (dưới 10 ngàn người) có cuộc sống đặc biệt khó khăn: các dân tộc thuộc khu vực III có khó khăn đặc biệt; đồng bào dân tộc Khơ Me, Chăm đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn cụ thể là:

+ Hỗ trợ về đời sống

+ Hỗ trợ về công trình phúc lợi nhỏ.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Tuyên truyền tập huấn, chuyển giao công nghệ.

- Kinh phí yêu cầu cho các dự án 1998-2000.

Tổng số nhu cầu: 262 tỷ đồng, trong đó: năm 1998 là 80 tỷ đồng; năm 1999: 90 tỷ đồng; năm 2000: 92 tỷ đồng. Cơ cấu đầu tư hỗ trợ: 20% hỗ trợ đời sống, 10% hỗ trợ công trình phúc lợi nhỏ, 60% hỗ trợ phát triển sản xuất, 10% hỗ trợ cho hoạt động tuyên truyền, tập huấn.

8. Giải pháp huy động nguồn vốn cho xoá đói giảm nghèo

Căn cứ vào nhu cầu vốn của dự án của chương trình xoá đói giảm nghèo giai đoạn 1998-2000.

* *Phương án huy động nguồn lực.*

	<i>Tỷ đồng</i>
Tổng nhu cầu vốn Nhu cầu các loại vốn	10.023,97
<i>Trong đó:</i>	
1. Vốn tín dụng cho người nghèo	2.700
2. Vốn đầu tư xây dựng 6 công trình cơ sở hạ tầng	3825
3. Vốn trợ giúp về giáo dục (học phí, SGK, vở viết, đóng góp)	8345
4. Vốn trợ giúp về y tế	900
5. Vốn trợ giúp, hướng dẫn cách làm ăn và chuyển giao công nghệ	200
6. Điều chỉnh đất đai, hỗ trợ tư liệu sản xuất	100
7. Vốn định canh, định cư	1200
8. Vốn hỗ trợ vùng dân tộc đặc biệt khó khăn	262

Trong đó:

Năm	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1998	2536,99	25,3
1999	3551,99	35,43
2000	3943,99	39,27

* *Cơ chế tạo nguồn vốn*

Nguồn lực cho xoá đói giảm nghèo chủ yếu phải dựa vào sự huy động của dân cư

tại địa phương.

- Huy động nguồn vốn tín dụng để cho vay: đa dạng hoá các hình thức huy động; động viên nguồn vốn trong dân thông qua ngân hàng phục vụ người nghèo. Có chính sách bù chênh lệch giữa lãi suất đi vay và lãi suất ưu đãi đối với người nghèo.

- Hình thành quỹ xoá đói giảm nghèo do dân và các tổ chức đóng góp: bằng lao động công ích và những đóng góp về tiền của của các đơn vị kinh tế, các tổ chức đoàn thể xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước. Đây là việc làm thường xuyên của mọi cấp, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế, mọi lĩnh vực hoạt động, dự kiến khả năng huy động: 3754 tỷ đồng; lao động công ích: 584 tỷ đồng.

- Dự kiến trong 3 năm 1998-2000 chỉ đầu tư ngân sách trung ương cho chương trình xoá đói giảm nghèo khoảng 2380,97 tỷ nhằm hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại những vùng có nhiều khó khăn, trợ giúp học phí, học bổng cho con em nghèo học văn hoá, học nghề, chuyển giao công nghệ, khám chữa bệnh, bù đắp chênh lệch lãi suất cho người nghèo vay, vốn định canh, định cư, hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

Kinh phí lồng ghép của chương trình kinh tế xã hội khác với chương trình xoá đói giảm nghèo (327, y tế, giáo dục, nước sạch...) khoảng 1310 tỷ.

- Nguồn vốn hợp tác quốc tế: bao gồm viện trợ nhân đạo và vốn vay của chính phủ và phi chính phủ, khoảng 685 tỷ đồng.

Kết cấu nguồn vốn xoá đói giảm nghèo giai đoạn 1998-2000 như sau:

	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng nguồn cho xoá đói giảm nghèo 3 năm (1998-2000)	10.023.75	
Trong đó:		
1. Ngân sách Trung ương	3380,97	33,1
2. Ngân sách địa phương	370	3,69
3. Huy động các tổ chức kinh tế - xã hội và cộng đồng	3754	37,45
4. Lồng ghép với các chương trình kinh tế xã hội	1310	13,13
5. Huy động lao động công ích	584	5,58
6. Vốn hợp tác quốc tế	685	6,83

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo cần bảo đảm các yêu cầu chủ yếu sau đây:

- Đảm bảo điều hành, chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến cơ sở nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra.

- Trên cơ sở các mục tiêu xoá đói giảm nghèo và điều kiện cụ thể của từng vùng, các ngành, các địa phương chủ động, sáng tạo huy động nguồn lực và tìm các giải pháp phù hợp.

Quá trình thực hiện cần nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện các chính sách và biện pháp về xoá đói giảm nghèo. Xây dựng và nhân điển hình về hộ, xã, phường có kinh nghiệm xoá đói giảm nghèo.

1. Phương thức hoạt động

- Xoá đói giảm nghèo chủ yếu được thực hiện ở các địa phương, trước hết từ cấp xã. Từng xã phải xây dựng chương trình, xác định đối tượng, mục tiêu và khả năng tự giải quyết. Huyện, tỉnh cùng với sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể, căn cứ vào tình hình đói nghèo của địa phương và khả năng nguồn lực để xây dựng chương trình xoá đói giảm nghèo đồng thời chỉ đạo thực hiện và hỗ trợ các địa phương trên địa bàn lãnh thổ.

- Là một chương trình mang tính kinh tế, xã hội tổng hợp, các Bộ, ngành, đoàn thể có kế hoạch, giải pháp tổ chức lồng ghép và hỗ trợ để thực hiện mục tiêu thuộc lĩnh vực của Bộ, ngành, đoàn thể mình.

- Mỗi dự án của chương trình có đối tượng, phạm vi, nội dung, hoạt động cụ thể, và đảm bảo các nguồn kinh phí tương ứng.

2. Cơ chế vận hành

- Bộ Lao động – Thương binh xã hội là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ trong việc phối hợp, tổng hợp, điều phối, kiểm tra hoạt động của các Bộ, ngành, các địa phương về lĩnh vực quản lý, điều hành, thực hiện dự án xoá đói giảm nghèo nhằm thực hiện mục tiêu chung của chương trình.

- Chương trình được vận hành theo cơ chế liên ngành. Với nội dung các dự án đã được duyệt, các Bộ, ngành theo chức năng của mình có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí, phân bổ và quản lý nguồn lực, đồng thời phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện các mục tiêu của từng dự án, dưới sự điều phối thống nhất của Ban chỉ đạo chương trình quốc gia.

- Các bộ, ngành rà soát, cân đối nguồn lực từ các chương trình kinh tế xã hội của mình, đề xuất chính sách, các giải pháp lồng ghép nhằm đáp ứng việc thực hiện các mục tiêu của từng dự án xoá đói giảm nghèo.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Ban chỉ đạo chương trình

a. Chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo do Chính phủ điều phối, thông qua ban chủ nhiệm chương trình do đồng chí Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội làm chủ nhiệm. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực. Tham gia Ban chủ nhiệm có đại diện lãnh đạo một số Bộ, ngành và đoàn thể có liên quan.

Ở tỉnh, huyện cũng thành lập Ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo, cấp xã là ban xoá đói giảm nghèo với các thành phần tương ứng và phương thức kiêm nhiệm là chủ yếu và có chuyên trách.

b. Nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm

Nhiệm vụ chung

- Phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu các chính sách, giải pháp về xoá đói giảm nghèo.
- Tổ chức hướng dẫn các địa phương điều tra, đánh giá tình hình và xác định chuẩn mực đói nghèo.
- Xác định chỉ tiêu và kế hoạch hàng năm về xoá đói giảm nghèo.
- Xây dựng quy chế kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các quỹ cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo ở các cấp các ngành.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo ở các địa phương, đặc biệt là những nội dung lồng ghép giữa các chương trình.
- Phổ biến những kinh nghiệm điển hình về thực hiện các dự án của chương trình xoá đói giảm nghèo.
- Định kỳ báo cáo tình hình và đánh giá kết quả thực hiện chương trình với Chính phủ.

Nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, ngành trong Ban chủ nhiệm.

- + Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: là cơ quan thường trực của chương trình
 - Cùng với các Bộ, ngành và địa phương xác định rõ về: xã, hộ nghèo.
 - Phối hợp với các Bộ chức năng xác định nhu cầu nguồn lực và cơ chế tạo nguồn; tổng hợp kế hoạch xoá đói giảm nghèo của các bộ, ngành, địa phương.
 - Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo của các bộ, ngành, địa phương.
 - Phối hợp lồng ghép chương trình quốc gia giải quyết việc làm, chương trình phòng chống tệ nạn xã hội với chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo.
 - Chủ trì và phối hợp với một số bộ, ngành có liên quan trong việc nghiên cứu hoàn chỉnh, bổ sung, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ người nghèo, chính sách bảo trợ xã hội.
 - Cùng với Bộ Tài chính hướng dẫn việc thành lập, sử dụng và quản lý quỹ xoá đói giảm nghèo ở trung ương và địa phương. Chỉ đạo ngành Lao động – Thương binh xã hội làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền các cấp trong việc xác định và lập danh sách các hộ nghèo ở từng xã, phường đến quận huyện tỉnh, thành phố theo chuẩn mực quy định thống nhất và kiện toàn ban xoá đói giảm nghèo ở cấp xã theo một cơ cấu và chức năng nhiệm vụ thống nhất.
 - Là cơ quan chủ trì việc tổ chức triển khai dự án hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ cho người nghèo.
 - Chủ trì và phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xây dựng và tổ chức thực hiện dự án hợp tác kỹ thuật phục vụ cho chương trình xoá đói giảm nghèo.
- + Bộ Kế hoạch và Đầu tư: là cơ quan chủ trì trong việc xây dựng và thực hiện dự án huy động nguồn lực của chương trình. Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan,

xây dựng cơ chế và tổ chức lồng ghép các mục tiêu, các hoạt động có liên quan của các chương trình quốc gia khác với chương trình xoá đói giảm nghèo ngay từ khâu thẩm định, xét duyệt, bố trí kế hoạch. Chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp kế hoạch xoá đói giảm nghèo của các Bộ, ngành, địa phương thể hiện trong kế hoạch hàng năm và 5 năm trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt và giao cho các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện. Cùng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính tổ chức thực hiện các dự án hợp tác kỹ thuật phục vụ cho chương trình xoá đói giảm nghèo.

+ Bộ Tài chính: Chỉ đạo việc xây dựng và huy động các nguồn vốn cho chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo. Tổ chức quản lý và hướng dẫn việc sử dụng cá nguồn vốn (kể cả nguồn vốn huy động trong dân, vốn tài trợ quốc tế, vốn ngân sách Nhà nước cho xoá đói giảm nghèo). Nghiên cứu, kiến nghị với Nhà nước các chính sách về hỗ trợ tài chính đối với các hộ xã nghèo. Cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phân bổ tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu của chương trình xoá đói giảm nghèo - đặc biệt phân định rõ những nguồn kinh phí lồng ghép giữa các chương trình, từ Trung ương đến địa phương phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các dự án hợp tác kỹ thuật cho chương trình xoá đói giảm nghèo.

+ Ngân hàng Nhà nước: là cơ quan chủ trì xây dựng và thực hiện dự án về huy động vốn tín dụng và hộ người nghèo vay vốn. Chịu trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch, chỉ đạo ngân hàng phục vụ người nghèo tổ chức huy động và cho hộ nghèo vay vốn. Đề xuất các chính sách tín dụng đối với người nghèo, chính sách bù đắp chênh lệch hợp lý giữa lãi suất đi vay và lãi suất cho vay ưu đãi đối với người nghèo.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo: là cơ quan thực hiện dự án về giáo dục – đào tạo đối với người nghèo. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu và thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo đối với người nghèo cũng như phối hợp chương trình xoá mù chữ, chương trình giáo dục tập trung của con em đồng bào các dân tộc thiểu số với chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo về điều chỉnh giao đất, giao rừng đúng Luật đất đai và đúng chính sách Nhà nước, đảm bảo những hộ nông dân nghèo ở nông thôn chưa được giao hoặc giao chưa đủ nhưng có nhu cầu đều được giao đủ để có đất sản xuất; chủ động phối hợp chương trình 327 trồng và khoanh nuôi đầu nguồn, rừng đặc dụng, chương trình 773 về khai thác sử dụng đất hoang hoá, bãi bồi ven sông, ven biển, mặt nước ở các vùng đồng bằng, chương trình di dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, chương trình định canh, định cư và điều kiện cho ngư dân nghèo phát triển sản xuất, chương trình nước sạch nông thôn với chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo; nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ giống, vốn, cây con cũng như thực hiện các biện pháp chuyển giao công nghệ đối với sản xuất nông - lâm nghiệp của các hộ đói nghèo.

+ Bộ Y tế: Có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu và thực hiện chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe đối với người nghèo; tổ chức phối hợp chương trình chống sốt rét, bấuu cổ và các chương trình y tế khác với chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo.

+ Bộ Xây dựng: Phối hợp với các bộ ngành có liên quan (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại,...) xây dựng và thực hiện dự án kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo, xác định phương thức, hướng ưu tiên và cơ chế thực hiện.

Tổ chức đoàn thể quần chúng như hội Liên hiệp phụ nữ, hội nông dân...theo chức năng của mình tham gia chương trình và các dự án xoá đói giảm nghèo, nghiên cứu đề xuất với cơ quan thường trực chương trình quốc gia để trình Chính phủ xem xét, hoàn chỉnh, bổ sung kịp thời với những phương thức phù hợp.

Ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo ở địa phương tổ chức thực hiện các mục tiêu của từng dự án trên địa bàn.

+ Ủy ban Dân tộc và miền núi: có trách nhiệm tổ chức khảo sát xây dựng dự án cụ thể hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc khó khăn, nghiên cứu, thực hiện chính sách hỗ trợ đối với hạng mục đầu tư phù hợp với từng vùng dân tộc đặc biệt khó khăn.

3.2 Giúp việc cho ban chủ nhiệm chương trình các cấp là tổ chuyên viên gồm một số cán bộ, chuyên viên đại diện cho các cơ quan: Lao động – Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. Văn phòng thường trực đặt tại ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, có giám đốc điều hành và một số cán bộ, với phương thức kiêm nhiệm và chuyên trách.

4. Tổ chức triển khai

- Sau khi chương trình và các dự án được duyệt, các cấp, các ngành, địa phương phối hợp tổ chức điều tra, nắm chắc tình hình đói nghèo, xác định nguyên nhân...

- Trên cơ sở thực tế của địa phương, ngành, cần xây dựng các dự án cụ thể, chi tiết với những mục tiêu và giải pháp phù hợp.

- Tổ chức các lớp huấn luyện nhằm quán triệt quan điểm mục tiêu của chương trình; bồi dưỡng trình độ về các lĩnh vực cho cán bộ tham gia các hoạt động của chương trình.

- Một mặt phải thực hiện đồng bộ với các chương trình kinh tế - xã hội khác, song trong một số chương trình, dự án đều có chính sách - cơ chế riêng đối với hộ xã nghèo.

**TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC DỰ ÁN
VỀ XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO**

CHƯƠNG TRÌNH-DỰ ÁN	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2000	ĐỐI TƯỢNG	CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	KINH PHÍ
1	2	3	4	5
Chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Xoá 300.000 hộ đói kinh niên. - Giảm ,2 triệu hộ nghèo. - Giải quyết cơ bản cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo. - Giảm số xã có tỷ lệ nghèo đói cao (>40%) xuống còn 5% 	Hộ nghèo Xã nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 6 công trình hạ tầng ở 1160 xã còn thiếu. - Điều chỉnh ruộng đất và hỗ trợ công cụ sản xuất cho hộ nghèo - Đảm bảo cho người nghèo vay vốn. - Chính sách giáo dục và y tế cho người nghèo. - Hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ. - Tạo nguồn vốn cho xoá đói giảm nghèo 	10023,97
<p><u>Các dự án</u></p> <p>1. Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng</p>	Đảm bảo hầu hết các xã có đủ cơ sở hạ tầng	Các xã không có hoặc thiếu 6 cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá xác định cơ sở hạ tầng hiện có: Số lượng, chất lượng. - Đầu tư hỗ trợ cho 400 xã nghèo chưa có đường giao thông đến xã, 649 lưới điện và nguồn điện nhỏ cho trung tâm xã và cụm xã, 570 xã nghèo có nước sạch với 80% số hộ dân. 550 xã nghèo có trạm y tế xã, 9200 phòng học cấp 1, cấp 2. Xây dựng chợ cho 280 xã và cụm xã. - Huy động nguồn lực trong dân, và tại địa phương là chủ yếu. Nhà nước hỗ trợ về thiết bị, vật tư. - Hướng ưu tiên: vùng cao, vùng sâu, các xã nghèo biên giới. 	3285
2. Dự án về ruộng	- Người nghèo có nhu cầu, được điều	Hộ nghèo	- Đánh giá quỹ ruộng đất có khả năng điều chỉnh bổ sung.	100

đất và hỗ trợ công cụ sản xuất	<p>chính ruộng đất để sản xuất.</p> <p>- Hỗ trợ công cụ sản xuất cho người nghèo phát triển sản xuất kinh doanh - dịch vụ</p>		<p>- Thu hồi diện tích sử dụng không hợp lý, không đúng mục đích. Khai hoang nhỏ, phục hoá... bổ sung cho người nghèo.</p> <p>- Hỗ trợ công cụ sản xuất cho người nghèo vùng ven đô và thành thị phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p>	
3. Dự án cho người nghèo vay vốn	<p>100% số hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn từ 1,5 đến 5 triệu</p>	Hộ nghèo	<p>- Hình thành quỹ xoá đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn khác nhau: Huy động trong dân: Vay dân để cho dân vay; Tự có, các thành phần kinh tế, tiết kiệm, quan hệ quốc tế...</p> <p>- Hình thành quỹ rủi ro để bảo toàn vốn.</p> <p>- Thực hiện mức lãi suất ưu đãi.</p> <p>- Người nghèo vay không phải thế chấp, chỉ cần tín chấp</p>	2.700
4. Dự án về Giáo dục – Y tế	<p>- Hỗ trợ để trẻ em trong tuổi có thể học tập được.</p> <p>- Hỗ trợ để con em các hộ nghèo có thể học ở các trường đại học, cao đẳng hoặc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề</p>	Con em người nghèo	<p>- Miễn giảm học phí và các khoản đóng góp của học sinh phổ thông.</p> <p>- Cấp miễn phí vở viết và cho mượn sách giáo khoa, cấp học bổng cho học sinh giỏi.</p> <p>- Đa dạng hoá các hình thức dạy và học, với các lực lượng giáo viên tại chỗ và tình nguyện từ nơi khác</p>	834
	<p>Người nghèo đều được khám chữa bệnh</p>	người nghèo	<p>- Người đói nghèo được miễn giảm viện phí và các khoản đóng góp khi khám chữa bệnh tại bệnh viện hoặc các cơ sở y tế của Nhà nước.</p> <p>- Được cấp thẻ khám chữa bệnh.</p> <p>- Tổ chức nhiều hình thức khám, chữa bệnh phù hợp với</p>	900

			người nghèo; phát huy loại hình chữa bệnh dân gian. Tổ chức lực lượng khám chữa bệnh phù hợp	
5. Dự án hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ	Hỗ trợ 100% hộ đói và 50% hộ nghèo biết sản xuất và sản xuất có hiệu quả, tự cải thiện đời sống.	Hộ nghèo	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn người đói nghèo cách thức làm ăn, phổ biến kiến thức mới để họ sản xuất có hiệu quả, biết chi tiêu tiết kiệm, đúng mục đích. - Tác động trực tiếp bằng mô hình cụ thể. Lực lượng tại chỗ là chủ yếu; Có sự phối hợp, hướng dẫn của ban chỉ đạo các cấp. - Điều tra, thống kê lập danh sách các hộ nghèo, xã nghèo, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, quản lý điều phối chương trình, đánh giá kết quả chương trình. 	200
6. Dự án định canh định cư	Giúp đỡ toàn bộ đồng bào du canh, du cư hoặc đã định cư còn du canh chuyển đổi được sản xuất và đời sống, hạn chế được tình trạng du canh du cư, không phát nương làm rẫy vào diện tích rừng đã tạo cho đồng bào có cơ sở sản xuất và đời sống bước đầu ổn định, xoá hết đói, giảm nghèo 20%.	183 ngàn hộ khoảng 1,1 triệu người ở 754 xã thuộc 206 huyện của 37 tỉnh miền núi	<ul style="list-style-type: none"> 1- Đầu tư cơ sở sản xuất và đời sống cho 183000 ngàn hộ trong diện định canh, định cư về: Nhà ở, khai thác cải tạo đất, giống cây trồng để phát triển sản xuất, trồng rừng... 2- Đầu tư cho cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi cho cộng đồng định canh, định cư như: thủy lợi nhỏ, thủy điện nhỏ, giao thông nông thôn, trường học, trạm xá và các công trình phúc lợi khác. 3-Đầu tư nhân lực, cho thực hiện dự án như: tuyên truyền, điều tra khảo sát, tập huấn. 	1200
7. Dự án hỗ trợ đồng bào các dân tộc đặc biệt khó khăn	Tạo điều kiện giúp đồng bào sớm ổn định được đời sống, phát triển sản xuất, thoát khỏi nguy cơ suy giảm dân số (dân tộc dưới 10	-20 dân tộc ít người (dưới 10 ngàn người). - Các dân	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đời sống trực tiếp cho hộ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn. - Hỗ trợ một số công trình phúc lợi nhỏ của cộng đồng. - Hỗ trợ phát triển sản xuất. 	262

	ngàn người), nâng cao trình độ dân trí, xoá đói giảm nghèo, hoà nhập cuộc sống cộng đồng	tộc thuộc khu vực III có khó khăn đặc biệt. - Đồng bào dân tộc khơ me, Chăm đặc biệt khó khăn	- Tuyên truyền, vận động, tập huấn, chuyển giao công nghệ	
8. Dự án tạo nguồn vốn	Huy động các nguồn vốn để thực hiện mục tiêu 10.000 tỷ của chương trình xoá đói giảm nghèo		- Ngân sách địa phương - Ngân sách địa phương - huy động đóng góp của cộng đồng, tổ chức kinh tế xã hội. - Huy động lao động công ích cho xoá đói giảm nghèo. - Lòng ghép với các chương trình khác. - Vốn hợp tác quốc tế	3380,79 370 3754 584 1310 685

BIỂU 1
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO 1998-2000

Đơn vị: tỷ đồng

Dự án	Nguồn	Kế hoạch 1998-2000			Ghi chú	
		Tổng số	Các năm			
			1998	1999		2000
1. Xây dựng kết cấu hạ tầng		3825	960	1340	1525	
2. Điều chỉnh ruộng đất; tư liệu sản xuất.		100	25	35	40	
3. Hỗ trợ người nghèo vay vốn		2700	700	1000	1000	
4. Hỗ trợ về giáo dục		834	166	291	377	
5. Hỗ trợ về y tế		900	225	315	360	
6. Hướng dẫn cách làm ăn		200	80	80	40	
7. Quản lý chương trình		2,97	0,99	0,99	0,99	
8. Định canh, định cư		1200	300	400	500	
9 Hỗ trợ các vùng dân tộc khó khăn		262	80	90	92	
Tổng số		1.0023,97	2.536,99	3.551,99	3.934,99	
tỷ lệ (%)			25,3	35,43	39,27	

** Kinh phí quản lý chương trình: sử dụng, điều tra khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu, kế hoạch triển khai, thẩm định kiểm tra, đánh giá, thiết bị văn phòng, bản tin xoá đói giảm nghèo hàng tháng và các chi phí khác cho chương trình.*

BIỂU 3: NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO KẾ HOẠCH 1998

Đơn vị: tỷ đồng

Dự án	Nhu cầu kế hoạch	Nguồn					
	1998	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động các tổ chức kinh tế - xã hội, cộng đồng	Lao động công ích	Lòng ghép	Hợp tác quốc tế
1. Xây dựng kết cấu hạ tầng	960	395	50	25	165	313	12
2. Điều chỉnh ruộng đất; tư liệu sản xuất.	25	12	5	4		4	
3. Hỗ trợ người nghèo vay vốn	700	20*		590			110
4. Hỗ trợ về giáo dục	166	25	19	105		7	10
5. Hỗ trợ về y tế	225	25	20	157		8	15
6. Hướng dẫn cách làm ăn	80	60		6		6	8
7. Quản lý chương trình	0,99	0,99					
8. Định canh, định cư	300	264			21	15	
9. Hỗ trợ các vùng dân tộc khó khăn	80	80					
Tổng số (1-9)	2536,99	881,99	94	887	186	353	155
Tỷ lệ (%)		34,76	3,7	34,96	7,33	13,91	6,1

**Tương tự như giải thích biểu 2*

BIỂU 2

CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO KẾ HOẠCH 1998-2000

Đơn vị: tỷ đồng

Dự án	Nguồn	Kế hoạch	Nguồn					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động các tổ chức kinh tế - xã hội, cộng đồng	Lao động công ích	Lồng ghép	Hợp tác quốc tế
1. Xây dựng kết cấu hạ tầng		3825	1600	200	100	500	1160	265
2. Điều chỉnh ruộng đất; tư liệu sản xuất.		100	50	20	15		15	
3. Hỗ trợ người nghèo vay vốn		2700	60*		2400			300
4. Hỗ trợ về giáo dục		834	100	70	594		30	40
5. Hỗ trợ về y tế		900	100	80	630		30	60
6. Hướng dẫn cách làm ăn		200	150		15		15	20
7. Quản lý chương trình		2,97	2,97					
8. Định canh, định cư		1200	1056			84	60	
9. Hỗ trợ các vùng dân tộc khó khăn		262	262					
Tổng số (1-9)		1023,97	3380,97	370	3.745			685
Tỷ lệ (%)s			33,1	3,69	37,45	5,83	13,13	6,833

Ghi chú: - Ngân sách Trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho ngân hàng phục vụ người nghèo

- Không cộng vào tổng số nhu cầu vốn của chương trình

BIỂU 4
NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO KẾ HOẠCH NĂM 1999

Đơn vị: tỷ đồng

Dự án	Nguồn						
	Nguồn 1999	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động các tổ chức kinh tế - xã hội, cộng đồng	Lao động công ích	Lòng ghép	Hợp tác quốc tế
1. Xây dựng kết cấu hạ tầng	1340	563	75	35	232	400	35
2. Điều chỉnh ruộng đất; tư liệu sản xuất.	35	18	7	5		5	
3. Hỗ trợ người nghèo vay vốn	1000	20*		890			110
4. Hỗ trợ về giáo dục	291	35	25	206		11	14
5. Hỗ trợ về y tế	315	35	27	221		11	21
6. Hướng dẫn cách làm ăn	80	60		6		6	8
7. Quản lý chương trình	0,99	0,99					
8. Định canh, định cư	400	352			28	20	
9. Hỗ trợ các vùng dân tộc khó khăn	90	90					
Tổng số (1-9)	3551,99	1173,99	134	1363	260	453	188
Tỷ lệ (%)s		33,05	38,37	38,37	7,3	12,75	5,29

Ghi chú; - Ngân sách Trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho ngân hàng phục vụ người nghèo

- Không cộng vào tổng số nhu cầu vốn của chương trình

BIỂU 5
NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO KẾ HOẠCH NĂM 2000

Đơn vị: tỷ đồng

Dự án	Nhu cầu kế hoạch	Nguồn					
	2000	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Huy động các tổ chức kinh tế - xã hội, cộng đồng	Lao động công ích	Lồng ghép	Hợp tác quốc tế
1. Xây dựng kết cấu hạ tầng	1525	642	75	40	103	447	218
2. Điều chỉnh ruộng đất; tư liệu sản xuất.	40	20	8	6		6	
3. Hỗ trợ người nghèo vay vốn	1000	20*		920			80
4. Hỗ trợ về giáo dục	377	40	26	283		12	16
5. Hỗ trợ về y tế	360	40	33	252		11	24
6. Hướng dẫn cách làm ăn	40	30		3		3	4
7. Quản lý chương trình	0,99	0,99					
8. Định canh, định cư	500	1600			35	25	
9. Hỗ trợ các vùng dân tộc khó khăn	92	91					
Tổng số (1-9)	3934,99	1883,99	142	1504	138	504	342
Tỷ lệ (%)s		47,87	3,6	38,22	3,5	12,8	8,69

Ghi chú: - Ngân sách Trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất cho ngân hàng phục vụ người nghèo

- Không cộng vào tổng số nhu cầu vốn của chương trình